| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/3/2026
V/v Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Củng Trần Lương.

*Các hội thẩm nhân dân*: Bà Lương Thị Nhiễu;

Bà Vương Thị Xuyến.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2025 về việc "Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vừ Thị M, sinh ngày 09/11/1997; số CCCD: 002197002980 do Cục C1 và TTXH, cấp ngày 29/3/2024; địa chỉ: Thôn C, xã K, tỉnh Tuyên Quang; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người được ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1999; địa chỉ: I T, Y, Cầu G, Hà Nội. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vừ Mí D, sinh ngày: 19/10/1993; số CCCD: 002093004423 do Cục C2, cấp ngày 30/6/2023; địa chỉ: Thôn L, xã K, tỉnh Tuyên Quang; Vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân nhân dân xã K, tỉnh Tuyên Quang; người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc T - Chức vụ: Chủ tịch; người đại diện theo ủy quyền: Ông Thàng Văn T1, Cán bộ Tư pháp và Hộ tịch. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Vừ Thị M trình bày:*

Chị và anh Vừ Mí D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là xã K, tỉnh Tuyên Quang) ngày 16/3/2014. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 02/2021 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi chửi nhau, đánh nhau, sau đó anh D đuổi chị ra khỏi nhà. Nên chị M đã quay về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn C, xã K, tỉnh Tuyên Quang, nhiều lần chị đã trao đổi với anh D để tìm cách hàn gắn gia đình, hai bên gia đình cũng khuyên bảo để vợ chồng đoàn tụ nhưng đều không có kết quả. Nay chị cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thế kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vừ Mí D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Vừ Minh H, sinh ngày 27/10/2015 và cháu Vừ Thị P, sinh ngày 27/5/2013. Sau khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng; phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Vừ Mí D:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi Thông báo theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Toà án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh Vừ Mí D ở tại thôn L, xã K, tỉnh Tuyên Quang, Công an xã K và Trưởng thôn Làn Chải, xã K đã xác nhận anh Vừ Mí D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã K, tỉnh Tuyên Quang. Hiện tại anh Vừ Mí D không có mặt ở địa phương, Công an xã và trưởng thôn chỉ nắm được là hiện tại anh D đi làm ăn xa nhà, khi đi anh D không thông báo cho Công an xã được biết nên không nắm được cụ thể anh D làm gì, ở đâu. Từ ngày anh D đi làm ăn thi thoảng thấy anh D quay về địa phương vài hôm. Về tình trạng hôn nhân trưởng thôn Làn Chải, xã K, tỉnh Tuyên Quang ông Vừ M1 Chứ xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chị M, anh D thường xuyên có xảy ra mâu thuẫn, nhưng không đến mức đánh nhau.

*Tại bản Biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2025 ông V Pà Pó trình bày:*

Ông là bố ruột của Vừ Mí D, còn Vừ Thị M là con dâu, ông không nhớ chính xác ngày tháng năm đăng kí kết hôn của vợ chồng chị M, anh D, chỉ nhớ kết hôn được khoảng 10 năm. Quá trình chung sống vợ chồng chị M, anh D thường xuyên xảy ra cãi nhau, nguyên nhân là do mỗi lần D uống rượu về là vợ chồng lại chửi nhau. Sau một khoảng thời gian thì chị M bỏ đi làm thuê, đến năm 2023 – 2024 thì anh D cũng đi làm thuê, thỉnh thoảng có về thăm nhà và gửi tiền về cho ông chăm lo cho con cái. Về con chung chị M, anh D có 02 con chung từ khi anh D đi làm thuê các cháu đã chuyển sang bên ngoại (bố mẹ đẻ

chị M) sinh sống. Việc chị M có đơn xin ly hôn với anh D ông không có ý kiến gì, nhưng về con chung đề nghị Tòa án giao cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

*Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 06/01/2026 và biên bản về việc lấy ý kiến nguyện vọng con chung của cháu Cháu Vừ P và cháu Vừ Minh H*: Các cháu đều mong muốn được ở với mẹ, hiện nay cuộc sống, học tập đều đang ổn định.

Ngày 25/02/2026 nguyên đơn chị Vừ Thị M có gửi bản tự khai đề ngày 24/02/2026 với nội dung thay sửa đổi yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con chung, nay chị không yêu anh Vừ Mí D phải cấp dưỡng nuôi con chung, các nội dung khác của đơn khởi kiện giữ nguyên.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày*:

Tại biên bản xác minh ngày 19/02/2026 tại UBND xã K, tỉnh Tuyên Quang thể hiện: Qua kiểm tra trên hệ thống hộ tịch chị Vừ Thị M sinh ngày 09/11/1997, tại thời điểm ngày 16/3/2014 do ông Đặng Thái H1 nguyên công chức tư pháp hộ tịch xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang (cũ) thiếu trách nhiệm không kiểm tra giấy tờ tùy thân của công dân, ông Thào Mí C nguyên chủ tịch xã ký không kiểm tra lại dẫn đến việc đăng ký kết hôn cho công dân Vừ Thị M và Vừ Mí D khi chị M chưa đủ tuổi. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang:* Về tuân thủ pháp luật tố tụng, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự,

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký theo đúng quy định tại BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, người có quyên lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt dẫn đến khó khăn trong việc giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào vào khoản 7 Điều 28 , Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11, Điều 12, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vừ Thị M, Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Vừ Thị M và anh Vừ Mí D đã đăng ký kết hôn ngày 16/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay

là xã K, tỉnh Tuyên Quang). Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Vừ Thị P, sinh ngày 27/5/2013 và Cháu Vừ Minh H, sinh ngày 27/10/2015 cho chị Vừ Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Vừ Mí D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Trong trường hợp có yêu cầu Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét. Về án phí: Chị Vừ Thị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Vừ Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Vừ Mí D có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã K, tỉnh Tuyên Quang nên căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang. Đối với nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào các Điều 227, 228, Điều 238 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Vừ Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vừ Mí D và giải quyết việc nuôi con chung. Tuy nhiên, qua quá trình xác minh và thu thập chứng cứ, Tòa án xác định chị Vừ Thị M và anh Vừ Mí D đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là xã K, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 16/3/2014. Tại trích lục kết hôn số 25/2025/TLKH-BS ngày 22/8/2025, giấy khai sinh của các con thể hiện chị M sinh năm 1994. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã K, tỉnh Tuyên Quang, giấy khai sinh và căn cước công dân của chị Vừ Thị M thể hiện chị M sinh ngày 09/11/1997. Như vậy, thời điểm đăng ký kết hôn, chị M mới 16 tuổi 4 tháng 07 ngày. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quy định: "nam phải từ hai mươi tuổi trở lên, nữ phải từ mười tám tuổi trở lên" mới đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, việc UBND xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang (cũ) thực hiện đăng ký kết hôn cho chị M và anh D khi chị M chưa đủ tuổi kết hôn là vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, trong trường hợp việc kết hôn vi phạm điều kiện kết hôn thì Tòa án có thẩm quyền hủy việc kết hôn trái pháp luật. Do đó, mặc dù nguyên đơn yêu cầu ly hôn, nhưng căn cứ vào các quy định của pháp luật nêu trên và để bảo đảm việc áp dụng pháp luật đúng bản chất quan hệ hôn nhân phát sinh trong vụ án,

Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là "Hủy việc kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con" thay vì quan hệ "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" như yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Hơn nữa quá trình chung sống chị M và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh D uống rượu về chửi chị M và đuổi chị M ra khỏi nhà. Từ năm 2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, thăm hỏi lẫn nhau. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh D, nhưng cần tuyên "Hủy việc kết hôn trái pháp luật" giữa chị Vừ Thị M và anh Vừ Mí D theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù việc kết hôn giữa chị Vừ Thị M và anh Vừ Mí D bị xác định là kết hôn trái pháp luật và bị hủy theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, tuy nhiên trong thời gian chung sống, chị M và anh D đã có 02 con chung là cháu Vừ Thị P, sinh ngày 27/5/2013 và cháu Vừ Minh H, sinh ngày 27/10/2015. Theo quy định tại Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con vẫn được giải quyết như trường hợp cha mẹ ly hôn. Do đó, việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị M và anh D không làm chấm dứt hoặc ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung. Chị M và anh D vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến nguyện vọng của các cháu; cả hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Anh D hiện nay đi làm ăn xa, không có mặt thường xuyên tại địa phương, điều kiện trực tiếp chăm sóc con còn hạn chế. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu được ổn định về tâm lý, học tập và sinh hoạt, cần giao cả hai cháu cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ban đầu chị M yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, tại bản tự khai đề ngày 24/02/2026 chị M đã tự nguyện rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét giải quyết.

[5] Về quyền, nghĩa vụ thăm nom con: Sau khi hủy kết hôn trái pháp luật, anh D vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị M xác định không có tài sản chung, không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với ý kiến của người có quyền lợi quan UBND xã K, tỉnh Tuyên Quang HĐXX xét thấy nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, nên có cơ sở xác định việc đăng ký kết hôn của các bên đã được thực hiện khi chưa bảo đảm điều kiện về độ tuổi theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, ý kiến đề nghị của Ủy ban nhân dân xã K về việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật là có căn cứ, cần được Hội đồng xét xử xem xét khi giải quyết vụ án.

[9] Về án phí: Chị Vừ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11, Điều 12, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vừ Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Vừ Thị M và anh Vừ Mí D đã đăng ký kết hôn số 03 ngày 16/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là xã K, tỉnh Tuyên Quang). Chị M và anh D chấm dứt hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Vừ Thị P, sinh ngày 27/5/2013 và Cháu Vừ Minh H, sinh ngày 27/10/2015 cho chị Vừ Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Vừ Mí D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Trong trường hợp có yêu cầu Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Vừ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000759 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hánh án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự: Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV8, tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Khâu Vai, tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng THADS số 02 tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu HS - BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Củng Trẩn Lương**